

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2017

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tấn

2. Ông Nguyễn Quang Kim

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thuý Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Khoa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H – Sinh năm 1981 (có mặt)

HKTT: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N – Sinh năm 1980 (vắng mặt)

TQ: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn - chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn N có thời gian tự do tìm hiểu rồi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang vào ngày 21/11/2012. Sau khi tổ chức hôn lễ vợ chồng sống cùng nhau luôn và ở riêng tại phố B, Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Đến tháng

4/2016 thì vợ chồng về ở tại xóm T, Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N chơi bời, nghiện ngập, không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cách đây khoảng 01 năm, và đến tháng 4/2017 chị đã về nhà mẹ đẻ ở T, Bắc Ninh. Kể từ khi ly thân hai bên đã được gia đình, bạn bè hoà giải nhiều lần nhưng vẫn không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị H xác định chị và anh N có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Thảo V, sinh ngày 10/6/2014. Cháu V hiện nay đang ở cùng chị và phát triển bình thường. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Chị hiện đang làm công nhân tại công ty trách nhiệm hữu hạn TNS tại Khu công nghiệp Đ – Hoàng Sơn, T, Bắc Ninh, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Thu nhập ổn định và không phải tăng ca nhiều nên chị khẳng định mình có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Q (là chị gái ruột anh N) trình bày: Anh N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải và các văn bản, giấy tờ khác của Toà án nhiều lần nhưng anh có nói lại với gia đình là anh xác định dù Toà án có triệu tập như thế nào anh cũng không lên Toà án làm việc và anh có ý kiến như sau:

Về tình cảm: Anh N xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng và không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh N xác định anh và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo V sinh ngày 10/6/2014. Ly hôn nguyện vọng của anh là muốn nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Anh N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xác minh tại địa pH, trưởng thôn N, xã H - ông Phan Văn S trình bày: Vợ chồng chị H anh N kết hôn vào năm 2012. Kết hôn được một thời gian thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên chơi bời lêu lổng không chăm lo gì đến gia đình. Vợ chồng đã ly thân được hơn 01 năm. Nay chị H xin ly hôn anh N, đề nghị Toà án giải quyết cho chị H được ly hôn anh N vì thực sự mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể kéo dài đời sống chung vợ chồng nữa. Về con chung, anh chị có 01 con chung, hiện đang ở với chị H. Nay vợ chồng ly hôn, đề nghị Toà án giao cháu bé cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì bản thân anh N không có việc làm ổn định, không đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu. Về tài sản anh chị không có gì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Nh (là chú ruột của anh N) và chị Nguyễn Thị Q (là chị ruột của anh N) cũng trình bày: Đề nghị Toà án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh N vì thực sự vợ chồng đã không còn tình cảm gì với nhau. Về con chung, đề nghị Toà án giao cháu bé cho mẹ cháu chăm lo nuôi dưỡng vì anh N là đối

tượng nghiện ma túy thường xuyên chơi cờ lêu lổng không chăm lo gì đến gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình đối với anh N, chị xin ly hôn anh N và xin được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thảo V, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do chị muốn nuôi cháu V vì cháu V hiện nay còn nhỏ tuổi, đang học mẫu giáo chưa ý thức được lời nói, hành động của mình. Hơn nữa chị cũng có nhiều thời gian, điều kiện đảm bảo để nuôi con. Anh N là đối tượng nghiện ma túy, không có công ăn việc làm ổn định nên không thể chăm sóc, nuôi dưỡng con phát triển chu đáo được. Ngoài ra, tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác không có nên chị không yêu cầu gì.

Anh Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử công bố ý kiến của anh N có trong hồ sơ. Chị H không có ý kiến gì về ý kiến đó.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thảo V, sinh ngày 10/6/2014. Cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc khởi kiện của chị Bùi Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Văn N và xin nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh N vắng mặt nhưng Tòa án cùng chính quyền địa phương đã đến gia đình nhiều lần nhưng anh N không hợp tác làm việc với Tòa án, đã gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng anh N cương quyết không đến Tòa án làm việc và có lời đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Nghị quyết 03/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo thủ tục

bị đơn từ chối khai báo, cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Ngoài ra cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N là có căn cứ.

Về quan hệ vợ chồng: Chị H đã trình bày trong hồ sơ giữa chị và anh N có đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2012 tại UBND xã Hồng Thái. Chị H cũng đã cung cấp được Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản gốc ngày 21/11/2012. Như vậy, hôn nhân của chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị H và gia đình anh N đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ cách đây 01 năm cho đến nay, và chị H đã trở về nhà mẹ đẻ từ tháng 4/2017. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn nhưng anh N không đồng ý. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương và gia đình thì thấy thực sự mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh N tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, việc chị H xin ly hôn anh N là có căn cứ cần chấp nhận.

Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo V, sinh ngày 10/6/2014. Hiện nay cháu V đang ở cùng chị H và phát triển bình thường. Ly hôn chị H và anh N đều có nguyện vọng được nuôi cháu V, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu V sinh ngày 10/6/2014, tính đến thời điểm xét xử cháu mới được 3 tuổi 3 tháng, đang đi học mẫu giáo. Đây là giai đoạn cháu đang biết biểu lộ nhiều dạng cảm xúc và cũng nắm bắt được nhiều hơn cảm xúc của người khác, bản thân cháu còn nhỏ, chưa thể tự lập, cháu lại là con gái nên cần sự quan tâm, dạy bảo hơn của người mẹ. Mặc dù cả chị H và anh N đều có nguyện vọng được nuôi con nhưng hiện tại chỉ có chị H là có công việc ổn định. Chị H hiện đang làm công nhân tại công ty trách nhiệm hữu hạn TNS tại Khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàng Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Còn anh N là đối tượng nghiện ma túy, không có công ăn việc làm ổn định, không đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con. Vì vậy, để đảm bảo cho cháu V có cuộc sống phát triển bình thường Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu V cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết đưa ra xem xét trong vụ án này.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị H và anh N đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thảo V sinh ngày 10/6/2014. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/04478 ngày 29/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo thời hạn kháng cáo là 15 ngày cho đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên